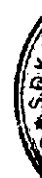


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007	9 - 11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2007	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2007	14 - 23

AC
TENT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Mạnh Hưng	Trưởng ban
Ông Mai Xuân Thái	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Đăng	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Anh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

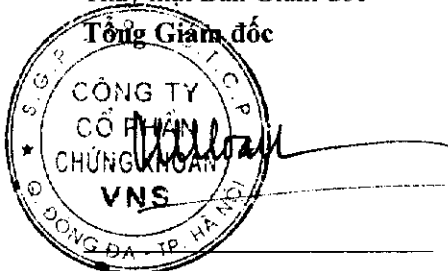
Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

Ngày 14 tháng 03 năm 2008

11/03/2008



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300
Branch in Hanoi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem District, Ha Noi City - Tel: (04) 9 324 133 - Fax: (84-4) 9 324 113
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

www.auditconsult.com.vn

Số: 45/08/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 14 tháng 03 năm 2008, từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

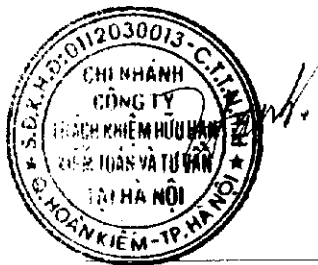
Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNS tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053/KTV

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2008

Kiểm toán viên

Cao Thu Hiền

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0803/KTV

31
NH
NG
H
M

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Mẫu số B01 - CTCK

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Ban hành theo Quyết định số 99/2000/QĐ -BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		-	194.461.429.358
I. Tiền	110		-	113.000.567.137
1. Tiền mặt tại quỹ (gồm cả chứng khoán mua lẻ)	111	V.1	-	106.201.997
2. Tiền gửi ngân hàng	112	V.2	-	75.007.704.419
3. Tiền đang chuyển	113		-	-
4. Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	114	V.3	-	30.446.136.595
5. Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành	115		-	-
6. Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	116	V.4	-	7.440.524.126
II. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác	120	V.5	-	59.023.246.003
1. Chứng khoán tự doanh	121	V.5.1	-	60.740.799.779
2. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người uỷ thác đầu tư	122		-	-
3. Đầu tư ngắn hạn	123		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn (*)	126	V.5.2	-	(1.717.553.776)
III. Các khoản phải thu	130	V.6	-	10.485.369.901
1. Phải thu của Trung tâm giao dịch chứng khoán	131		-	-
2. Phải thu của người đầu tư	132		-	3.463.245
3. Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán	133	V.6.1	-	182.248.000 ✓
4. Ứng trước cho người bán	134	V.6.2	-	2.603.426.100
5. Thuế GTGT được khấu trừ	135		-	-
6. Phải thu nội bộ	136		-	-
7. Các khoản phải thu khác	137	V.6.3	-	7.696.232.556
8. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	138		-	-
IV. Vật liệu, công cụ tồn kho	140		-	-
1. Hàng mua đang đi trên đường	141		-	-
2. Vật liệu	142		-	-
3. Công cụ, dụng cụ	143		-	-
V. Tài sản lưu động khác	150		-	11.952.246.317
1. Tạm ứng	151		-	5.598.279.461
2. Chi phí trả trước	152	V.7	-	6.353.966.856
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	153		-	-
4. Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	156		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		-	9.045.479.001
I. Tài sản cố định	210		-	6.925.479.001
1. Tài sản cố định hữu hình	211	V.8	-	3.714.701.224
- Nguyên giá	212		-	3.914.379.417
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	213		-	(199.678.193)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214		-	-
- Nguyên giá	215		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	216		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	217	V.9	-	3.210.777.777
- Nguyên giá	218		-	3.325.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	219		-	(114.222.223)
II. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác	220		-	2.000.000.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán	221		-	-
2. Góp vốn liên doanh	222		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn của người uỷ thác đầu tư	223		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	224	V.10	-	2.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác của công ty chứng khoán	225		-	2.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác của người uỷ thác đầu tư	226		-	-
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	227		-	-
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			-
IV. Tài sản dài hạn khác	240		-	120.000.000
1. Ký quỹ, ký cược dài hạn	241		-	-
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	242	V.11	-	120.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	243		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		-	203.506.908.359

11/11/2007

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	V.12	-	41.464.319.466
I. Nợ ngắn hạn	310		-	41.464.319.466
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
- Vay ngắn hạn	312		-	-
- Trái phiếu phát hành ngắn hạn	313		-	-
2. Vay dài hạn đến hạn trả	314		-	-
3. Phải trả Trung tâm giao dịch chứng khoán	315		-	-
4. Phải trả thiếu hụt Quỹ hỗ trợ thanh toán	316		-	-
5. Phải trả về chứng khoán nhận đại lý phát hành	317		-	-
6. Phải trả người bán	318	V.12.1	-	158.108.676
7. Người mua ứng trước	319		-	-
8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	320		-	157.001.144
- Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	157.001.144
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	322		-	-
9. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	323		-	450.949.517
10. Phải trả nhân viên	324		-	522.492.759
11. Chi phí phải trả	325		-	303.579.868
12. Phải trả nội bộ	326		-	-
13. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	327		-	-
14. Phải trả, phải nộp khác	328	V.12.2	-	17.373.034.152
15. Tài sản thừa chờ xử lý	329		-	-
- Tài sản thừa trong thanh toán giao dịch CK chờ xử lý	330		-	-
- Tài sản thừa khác	331		-	-
16. Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	332		-	22.499.153.350
II. Nợ dài hạn	340		-	-
1. Vay dài hạn	341		-	-
2. Nợ dài hạn	342		-	-
Trong đó: Trái phiếu-phát hành	343		-	-
3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	344		-	-
4. Phải trả người uỷ thác đầu tư	345		-	-

12/12/2007

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

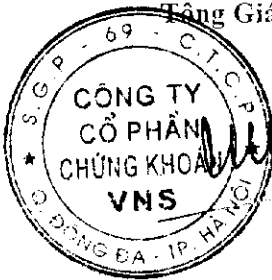
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		-	162.042.588.893
I - Vốn góp ban đầu	410		-	161.000.000.000
1. Vốn của các bên góp vốn	411		-	-
2. Vốn góp cổ phần	412	V.13	-	161.000.000.000
- Số lượng cổ phiếu phát hành	413		-	16.100.000
- Mệnh giá cổ phiếu phát hành	414		-	10.000
II - Vốn bổ sung	420		-	-
1. Thặng dư vốn cổ phần	421		-	-
2. Vốn bổ sung từ lợi nhuận	422		-	-
3. Vốn bổ sung từ nguồn khác	423		-	-
III - Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	430		-	1.042.588.893
1. Quỹ đầu tư, phát triển	431		-	-
2. Quỹ dự phòng tài chính	432		-	-
- Dự trữ pháp định	433		-	-
- Dự trữ theo điều lệ công ty chứng khoán	434		-	-
- Dự trữ bất thường	435		-	-
- Dự trữ khác	436		-	-
3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	437		-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	438	V.13	-	1.042.588.893
5. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	439		-	-
IV- Vốn điều chỉnh	440		-	-
1. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	441		-	-
2. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ đánh giá lại cuối kỳ	442		-	-
3. Giá trị thuần của chứng khoán ngân quỹ	443		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		-	203.506.908.359

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2008

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Mẫu số B92 - CTCK

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà 9 Đào Duy Anh, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Phần I - Lãi, lỗ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		11.417.964.970
<i>Trong đó:</i>			
- Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	02		1.759.659.618
- Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	03		4.403.556.912
- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác	04		-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành CK	05		-
- Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư	06		155.490.900
- Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	07		-
- Hoàn nhập dự phòng, các khoản trích trước	08		-
- Doanh thu về vốn kinh doanh	09		4.096.540.540
- Doanh thu cho thuê tài sản, sử dụng thiết bị, thông tin	10		1.002.717.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	11		-
3. Doanh thu thuần	12		11.417.964.970
4. Thu lãi đầu tư	13		22.497.250
- Thu cổ tức	131		22.497.250
- Thu trái phiếu	132		-
- Thu lãi chứng chỉ đầu tư	133		-
5. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	14		11.440.462.220
6. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	15	V.14	3.758.487.454
7. Lợi nhuận gộp	20		7.681.974.766
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	V.15	6.180.109.006
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	40		1.501.865.760
- Các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh	41		11.740.000
- Các khoản chi phí ngoài hoạt động kinh doanh	42		240.672
10. Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	50		11.499.328
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	60		1.513.365.088
12. Lợi nhuận-lính thuế	61		1.490.867.838
13. Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	70		417.442.995
14. Lợi nhuận sau thuế	80		1.095.922.093



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Mẫu số B02 - CTCK

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà 9 Đào Duy Anh, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Phần 1 - Lãi, lỗ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		11.417.964.970
<i>Trong đó:</i>			
- Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	02		1.759.659.618
- Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	03		4.403.556.912
- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người uỷ thác	04		-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành CK	05		-
- Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư	06		155.490.900
- Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	07		-
- Hoàn nhập dự phòng, các khoản trích trước	08		-
- Doanh thu về vốn kinh doanh	09		4.096.540.540
- Doanh thu cho thuê tài sản, sử dụng thiết bị, thông tin	10		1.002.717.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	11		-
3. Doanh thu thuần	12		11.417.964.970
4. Thu lãi đầu tư	13		22.497.250
- Thu cổ tức	131		22.497.250
- Thu trái phiếu	132		-
- Thu lãi chứng chỉ đầu tư	133		-
5. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	14		11.440.462.220
6. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	15	V.14	3.758.487.454
7. Lợi nhuận gộp	20		7.681.974.766
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	V.15	6.180.109.006
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	40		1.501.865.760
- Các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh	41		11.740.000
- Các khoản chi phí ngoài hoạt động kinh doanh	42		240.672
10. Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	50		11.499.328
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	60		1.513.365.088
12. Lợi nhuận-tính thuế	61		1.490.867.838
13. Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	70		417.442.995
14. Lợi nhuận sau thuế	80		1.095.922.093



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Mẫu số B02 - CTCK

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà 9 Đào Duy Anh, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Quyết định số 99/2000 QĐ-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

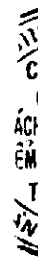
ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)**Phần II - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế phải nộp Nhà nước	10				
Thuế GTGT hàng nội địa	11	-	216.092.500	200.543.400	15.549.100
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	-	417.442.995	-	417.442.995
Thu trên vốn	16	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	17	-	-	-	-
Thuế nhà đất	18	-	-	-	-
Tiền thuê đất	19	-	-	-	-
Các loại thuế khác	20	-	45.464.721	27.507.299	17.957.422
- Thuế thu nhập cá nhân		-	45.464.721	27.507.299	17.957.422
- Các loại thuế khác		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30				-
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	33	-	-	-	-
Cộng	40	-	679.000.216	228.050.699	450.949.517



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà 9 Đào Duy Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Mẫu số B02 - CTCK

Ban hành theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC

ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính

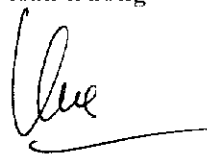
Phần III - Thuế GTGT được khấu trừ, được hoàn lại, được miễn giảm, thuế GTGT hàng bán nội địa

CHI TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm trước	Năm nay
I - Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
II - Thuế GTGT được hoàn lại		-	-
III - Thuế GTGT được giảm		-	-
IV - Thuế GTGT hàng bán nội địa			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	-	-
2. Thuế GTGT đầu ra	41	-	216.092.500
3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	-	-
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại	43	-	-
5. Thuế GTGT được giảm	44	-	-
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào NSNN	45	-	200.543.400
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	46	-	15.549.100
(46 = 40 + 41 - 42 - 43 - 44 - 45)			

Lập ngày 14 tháng 3 năm 2008

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lê Thị Huệ
Đoàn Ngọc Hoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.513.365.088
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02		313.900.416
- Các khoản dự phòng	03	V.5.1	1.717.553.776
- Nợ phải thu khó đòi đã xử lý	04		-
- Tổn thất tài sản	05		-
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ của hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính	06		-
- Các khoản chi phí phải trả	07		303.579.868
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	08		(417.442.995)
- Cổ tức, lãi chia đã trả	09		-
- Tiền thực chi quỹ khen thưởng phúc lợi	10		-
- Tiền thực chi quỹ đầu tư phát triển	11		-
- Lãi, lỗ thanh lý tài sản cố định	12		-
- Lãi, lỗ đầu tư khác	13		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20		3.430.956.153
- Tăng, giảm các khoản phải thu	21		(76.944.449.141)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	22		-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	23		41.007.821.998
- Tăng, giảm chi phí trả trước	24		(6.353.966.856)
- Tăng, giảm các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	25		-
- Tăng, giảm các khoản nhận thế chấp, ký quỹ, ký cược	26		-
4. Luồng tiền trước các khoản mục bất thường	27		(38.859.637.846)
- Thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh	28		-
- Chi phí ngoài hoạt động kinh doanh	29		-
- Chi phí bất thường bằng tiền	30		(53.333.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	40		(38.912.971.046)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà 9 Đào Duy Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

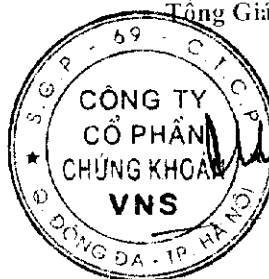
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản		41		(7.086.461.817)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		42		-
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		43	V.6	(2.000.000.000)
4. Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác		44		-
5. Các khoản đầu tư khác cho hoạt động đầu tư		45		-
6. Thu lãi đầu tư		46		-
7. Tiền trả lãi đầu tư		47		-
8. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ của hoạt động đầu tư		48		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		50		(9.086.461.817)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu vốn góp của chủ sở hữu		51	V.13	161.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu		52		-
3. Tiền vay		53		-
4. Tiền trả nợ vay		54		-
5. Trả lãi tiền vay		55		-
6. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính		56		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		60		161.000.000.000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ cuối năm		61		-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		70		113.000.567.137
Tiền tồn đầu năm		80		-
Tiền tồn cuối năm		90		113.000.567.137

Lập ngày 14 tháng 3 năm 2008

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng năm tài chính 2007 bắt đầu từ ngày 28 tháng 8 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 là năm tài chính đầu tiên của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 4
Tài sản cố định khác	5

3. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

4. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

5. Chi phí trả trước

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

7. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

9. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2007 : 16.114 VND/USD

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. Tiền mặt**

	Số cuối năm
Tiền mặt của Công ty	106.201.997
Tiền mặt của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	
Cộng	106.201.997

2. Tiền gửi ngân hàng

	Số cuối năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	7.006.693.799
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt – Chi nhánh Hà Nội	1.010.620
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hoàng Mai	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	48.000.000.000
Cộng	75.007.704.419

3. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm
Tiền gửi của nhà đầu tư tại Ngân hàng TMCP Quân Đội	30.282.889.100
Tiền gửi đầu giá tại Ngân hàng TMCP Quân Đội	163.247.495
Cộng	30.446.136.595

4. Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Công ty chứng khoán	1.354.405.900
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	6.086.118.226
Cộng	7.440.524.126

5. Tình hình đầu tư chứng khoán**5.1. Tình hình tăng, giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Chứng khoán tự doanh	-	103.718.173.250	42.977.373.471	60.740.799.779
Chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Chứng khoán ngân quỹ	-	-	-	-
Cộng	-	103.718.173.250	42.977.373.471	60.740.799.779



 BÁC
KIỂM
T
ÁN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình nắm giữ chứng khoán của Công ty

	Số cuối năm
Công ty niêm yết	40.351.983.779
- Cổ phiếu	40.351.983.779
- Trái phiếu	-
Công ty chưa niêm yết	20.388.816.000
- Cổ phiếu	20.226.816.000
- Trái phiếu	162.000.000
Cộng	60.740.799.779

Chi tiết các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ

	Số cuối năm	
	Số lượng	Giá trị
Công ty niêm yết		40.351.983.779
- Cổ phiếu		40.351.983.775
ACB	5.800	974.771.200
BVS	25.000	5.258.615.194
DHG	23.000	6.081.000.000
DPM	30.000	2.587.500.000
DPR	15.000	1.289.100.000
NAV	5.350	755.050.000
PVD	20.000	3.142.670.000
SD5	25.000	4.825.000.000
SJS	10.000	2.455.000.000
SSI	27.000	4.536.551.020
TAC	9.990	1.252.386.360
TRC	19.410	2.504.200.000
VC3	12.000	1.029.000.000
BFI	50.000	520.000.000
VSP	19.000	3.140.880.000
PPC	5	260.000
- Trái phiếu	-	-
Công ty chưa niêm yết		20.388.816.000
- Cổ phiếu		20.226.816.000
NVN	50.000	525.000.000
MB	38.400	2.097.816.000
PVF-DK	30.000	2.028.000.000
Máy VT	30.000	996.000.000
NBB	200.000	14.580.000.000
- Trái phiếu		162.000.000
MB	108	162.000.000

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5.2. Dự phòng giảm giá chứng khoán

	<i>Số lượng</i> <i>31.12.2007</i>	<i>Giá trị</i> <i>chứng khoán</i> <i>31.12.2007</i>	<i>Giá</i> <i>thị trường</i> <i>31.12.2007</i>	<i>Giá trị theo giá</i> <i>thị trường</i>	<i>Số lập dự phòng</i> <i>tại 31.12.2007</i>
	(1)	(2)	(3)	(4) = (1) x (3)	(5) = (2) - (4)
ACB	5.800	974.771.200	164.000	951.200.000	23.571.200
BVS	25.000	5.258.615.196	210.000	5.250.000.000	8.615.196
DHG	23.000	6.081.000.000	234.000	5.382.000.000	699.000.000
DPM	30.000	2.587.500.000	74.000	2.220.000.000	367.500.000
DPR	15.000	1.289.100.000	85.000	1.275.000.000	14.100.000
NAV	5.350	755.050.000	138.000	738.300.000	16.750.000
PVD	20.000	3.142.670.000	152.000	3.040.000.000	102.670.000
SD5	25.000	4.825.000.000	180.000	4.500.000.000	325.000.000
SSI	27.000	4.536.551.020	168.000	4.536.000.000	551.020
TAC	9.990	1.252.386.360	123.000	1.228.770.000	23.616.360
TRC	19.410	2.504.200.000	122.000	2.368.020.000	136.180.000
Cộng		33.206.843.776		31.489.290.000	1.717.553.776

6. Các khoản phải thu

	<i>Số cuối năm</i>
- Phải thu của Trung tâm giao dịch chứng khoán	-
- Phải thu của người đầu tư	3.463.245
- Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán	182.248.000
- Ứng trước cho người bán	2.603.426.100
- Thuế GTGT được khấu trừ	-
- Phải thu nội bộ	-
- Phải thu khác	7.696.232.556
Cộng	10.485.369.901

6.1 Chi tiết các khoản phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán

	<i>Số cuối năm</i>
Công ty CAVICO Hạ Tầng	22.000.000
Công ty Cao su Đắc Lắc	133.848.000
Công ty Xuất nhập khẩu cà phê Tây Nguyên	26.400.000
Cộng	182.248.000

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản ứng trước cho người bán

	Số cuối năm
Công ty ACT	846.455.328
Nguyễn Thanh Bình	250.000.000
Công ty TNHH Niềm Tin	796.795.434
Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI)	149.621.356
Công ty TST	506.205.000
Công ty THT	52.192.982
Công ty Thanh Đa	2.156.000
Cộng	2.603.426.100

6.3 Chi tiết các khoản phải thu khác

	Số cuối năm
Các khoản phải thu về thực hiện quyền mua chứng khoán	7.547.827.000
Dự thu lãi tiền gửi	148.405.556
Cộng	7.696.232.556

7. Chi phí trả trước

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí trước hoạt động	-	729.714.823	158.081.489	571.633.334
Chi phí khai trương	-	305.748.897	16.986.050	288.762.847
Công cụ dụng cụ	-	488.821.116	56.387.884	432.433.232
Chi phí thuê văn phòng	-	3.850.378.644	1.397.083.701	2.453.294.943
Chi phí thành lập chi nhánh	-	2.607.842.500	0	2.607.842.500
Chi phí khác	-	141.995.400	141.995.400	-
Cộng	-	8.124.501.380	1.770.534.524	6.353.966.856

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm			
Mua trong năm	3.149.791.417	764.588.000	3.914.379.417
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối năm	3.149.791.417	764.588.000	3.914.379.417
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm			
Khấu hao trong năm	161.448.793	38.229.400	199.678.193
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối năm	161.448.793	38.229.400	199.678.193
Giá trị còn lại			
Số đầu năm			
Số cuối năm	2.988.342.624	726.358.600	3.714.701.224

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	-	3.325.000.000	-	3.325.000.000
Giá trị hao mòn	-	114.222.223	-	114.222.223
Giá trị còn lại	-	3.210.777.777	-	3.210.777.777

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Đầu tư khác của Công ty				
<i>Chứng khoán</i>	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
- Góp vốn liên doanh	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác (*)	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Đầu tư khác của người				
<i>ủy thác đầu tư</i>	-	-	-	-
Cộng	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000

(*) Công ty góp 10% vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông Tài chính Dầu khí

	Quỹ hỗ trợ thanh toán	Tình hình vay quỹ hỗ trợ thanh toán
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	120.000.000	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	120.000.000	-

	Số cuối năm
Nợ ngắn hạn	41.464.319.466
- Vay ngắn hạn	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-
- Phải trả người bán	158.108.676
- Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	157.001.144
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	450.949.517
- Phải trả nhân viên	522.492.759
- Chi phí phải trả	303.579.868
- Phải trả nội bộ	-
- Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-
- Phải trả, phải nộp khác	17.373.034.152
- Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	22.499.153.350
Nợ dài hạn	-
Cộng	41.464.319.466

13/11/2014

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12.1 Chi tiết các khoản phải trả người bán

	Số cuối năm
Công ty Phú Thành	152.917.600
Trung tâm viễn thông Khu vực II	5.191.076
Cộng	158.108.676

12.2 Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm
Phải thanh toán bù trừ nhà đầu tư	13.680.969.000
Phải thanh toán bù trừ VNS	2.315.000.000
Phải trả trung tâm lưu ký - thực hiện quyền mua	12.150.000
Phải trả khác	1.364.915.152
Cộng	17.373.034.152

13. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	-	-	-
Tăng vốn năm nay	161.000.000.000	-	161.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	1.095.922.093	1.095.922.093
Chi thù lao hội đồng quản trị	-	(53.333.200)	(53.333.200)
Số dư cuối năm nay	161.000.000.000	1.042.588.893	162.042.588.893

14. Chi phí kinh doanh chứng khoán

	Năm nay
Chi phí môi giới chứng khoán	505.004.512
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	1.095.229.864
Chi phí lưu ký chứng khoán	1.459.005
Chi phí dự phòng	1.717.553.776
Chi phí về vốn kinh doanh	7.664.367
Chi phí kinh doanh khác	431.575.930
Cộng	3.758.487.454

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	288.337.770
Chi phí nhân viên	2.351.455.665
Khấu hao tài sản cố định	313.900.416
Thuế, phí và lệ phí	43.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.425.644.184
Chi phí bằng tiền khác	1.757.270.971
Cộng	6.180.109.006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)